

CHƯƠNG VI: CĂN UẨN (Tiếp Theo)

Phẩm Thứ Năm: LUẬN VỀ NHẤT TÂM (Phần 1)

Các pháp cùng với tâm khởi như nhau-trú như nhau-diệt như nhau, pháp ấy tương ứng với tâm chăng? Các chương như vậy và giải thích về nghĩa của từng chương đã linh hội rồi, tiếp theo nên phân biệt rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì cần phải ngăn chặn ý nói Tương ứng không phải là thật, cho đến nói rộng ra, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Các pháp cùng với tâm khởi như nhau-trú như nhau-diệt như nhau, pháp ấy tương ứng với tâm chăng?

Đáp: Nếu pháp tương ứng với tâm, thì pháp ấy cùng với tâm khởi như nhau-trú như nhau-diệt như nhau, đó là tất cả tâm sở pháp. Có pháp cùng với tâm khởi như nhau-trú như nhau-diệt như nhau, mà pháp ấy không phải là tương ứng với tâm, đó là sắc tùy tâm chuyển, tâm bất tương ứng hành. Trong này, Khởi thì gọi là Sinh, Trú thì gọi là Lão, Diệt thì gọi là Vô thường.

Hỏi: Các pháp cùng với tâm khởi như nhau-trú như nhau-diệt như nhau, pháp ấy cùng một sở duyên với tâm chăng?

Đáp: Nếu pháp cùng một sở duyên với tâm, thì pháp ấy cùng với tâm khởi như nhau-trú như nhau-diệt như nhau, đó là tất cả tâm sở pháp. Có pháp cùng với tâm khởi như nhau-trú như nhau-diệt như nhau, mà pháp ấy không phải là cùng một sở duyên với tâm, đó là sắc tùy tâm chuyển, tâm bất tương ứng hành.

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì cần phải ngăn chặn ý nói Sở duyên không phải là thật, cho đến nói rộng ra, cho nên soạn ra phần luận này.

Nghĩa về Tùy tâm chuyển có mười loại, đó là khởi như nhau, trú như nhau, diệt như nhau, quả như nhau, đẳng lưu như nhau, dị thực như nhau, thiện thì thiện, bất thiện thì bất thiện, vô ký thì vô ký, thuộc về trong một đời.

Quả như nhau, đó là quả Ly hệ. Đẳng lưu như nhau, đó là quả Đẳng lưu. Dị thực như nhau, đó là quả Dị thực. Thuộc về trong một đời, đó là cùng một đời thân nhiếp. Đây là nói về tướng chung.

Nếu nói riêng biệt, thì trong Đạo đoạn kiết thuộc hữu lậu có tám nghĩa về Tùy chuyển, đó là khởi như nhau, trú như nhau, diệt như nhau, quả như nhau, đẳng lưu như nhau, dị thực như nhau, đều là thiện, thuộc

về một đời.

Trong Đạo gia hạnh-giải thoát-thắng tiến thuộc hữu lậu, và các phẩm tâm thiện hữu lậu khác, có bảy nghĩa về Tỳ chuyển, đó là khởi như nhau, trú như nhau, diệt như nhau, đẳng lưu như nhau, dị thực như nhau, đều là thiện, thuộc về một đời.

Trong Đạo đoạn kiết thuộc vô lậu cũng có bảy nghĩa về Tỳ chuyển, đó là khởi như nhau, trú như nhau, diệt như nhau, quả như nhau, đẳng lưu như nhau, đều là thiện, thuộc về một đời.

Trong Đạo gia hạnh-giải thoát-thắng tiến thuộc vô lậu có sáu nghĩa về Tỳ chuyển, đó là khởi như nhau, trú như nhau, diệt như nhau, đẳng lưu như nhau, đều là thiện, thuộc về một đời.

Phẩm tâm bất thiện có bảy nghĩa về Tỳ chuyển, đó là khởi như nhau, trú như nhau, diệt như nhau, đẳng lưu như nhau, dị thực như nhau, đều là bất thiện, thuộc về một đời.

Phẩm tâm vô ký có sáu nghĩa về Tỳ chuyển, đó là khởi như nhau, trú như nhau, diệt như nhau, đẳng lưu như nhau, đều là vô ký, thuộc về một đời.

Vả lại, tâm-tâm sở pháp lần lượt chuyển đổi hướng về nhau, do năm nhân duyên cho nên gọi là Tỳ chuyển, đó là bởi vì sở y, bởi vì sở duyên, bởi vì hành tướng, bởi vì quả, bởi vì dị thực.

Tâm cùng với sắc tùy tâm chuyển, tâm bất tương ưng hành lần lượt chuyển đổi hướng về nhau, do hai nhân duyên cho nên gọi là Tỳ chuyển, đó là bởi vì quả, bởi vì dị thực. Nghĩa về Tỳ chuyển nói rộng ra như chương Tạp Uẩn.

Các pháp cùng khởi với tâm và không lìa tâm, pháp ấy cùng trú cùng diệt với tâm và không lìa tâm chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Trong phẩm luận trước tuy giải thích về sát-na diệt của các tâm-tâm sở pháp..., nhưng chưa phân tích về các sắc..., nay muốn phân tích về điều ấy cho nên soạn ra phần luận này.

Lại bởi vì ngăn chặn những Sa-môn chấp trước bàn luận về ba sát-na, đó là có Sa-môn nói các sắc pháp trú trong ba sát-na, nói tâm-tâm sở trong một sát-na thì diệt. Họ lại có hai loại:

1. Luận Tạp Sinh.
2. Luận Thứ Đệ.

Phái luận Tạp Sinh đưa ra cách nói như vậy: “Dựa vào Nhãn căn thứ nhất sinh ra Nhãn thức thứ nhất, lúc ấy cùng sinh ra rồi thì Nhãn căn trú mà Nhãn thức diệt. Dựa vào Nhãn căn thứ hai sinh ra Nhãn thức thứ

hai, lúc ấy cùng sinh ra rồi thì Nhân căn trú mà Nhân thức diệt. Dựa vào Nhân căn thứ ba sinh ra Nhân thức thứ ba, lúc ấy cùng sinh ra rồi thì Nhân căn trú mà Nhân thức diệt. Nên biết là cùng diệt với Nhân thứ nhất.”

Hỏi: Điều ấy có lỗi gì?

Đáp: Đó là Nhân thức thứ nhất có sở y sinh ra, không có sở y diệt đi; Nhân thức thứ hai cũng như vậy. Nhân thức thứ ba có sở y sinh ra, tuy có sở y diệt mà là sở y khác. Đó gọi là lỗi của điều ấy, bởi vì Thức tùy theo sở y mà có sinh diệt.

Phái luận Thứ Đệ đưa ra cách nói như vậy: “Dựa vào Nhân căn thứ nhất sinh ra Nhân thức thứ nhất, lúc ấy cùng sinh ra rồi thì Nhân căn trú mà Nhân thức diệt. Tiếp theo lại dựa vào đó sinh ra Nhân thức thứ hai, Nhân căn trú mà Nhân thức diệt. Sau cùng lại dựa vào đó sinh ra Nhân thức thứ ba, Thức này và Căn cùng lúc mà diệt.”

Hỏi: Điều ấy có lỗi gì?

Đáp: Đó là Nhân thức thứ nhất có sở y sinh ra, không có sở y diệt đi; Nhân thức thứ hai không có sở y sinh ra, không có sở y diệt đi; Nhân thức thứ ba không có sở y sinh ra, có sở y diệt đi. Đó gọi là lỗi của điều ấy, bởi vì Thức tùy theo sở y mà có sinh diệt.

Vả lại, hai Luận ấy có cùng sai lầm khác, đó là lúc ở loài người chết đi-sinh vào địa ngục, loài người chưa rời bỏ mà đã mang lấy địa ngục, như vậy thì nẻo tạp loạn và thân tạp loạn. Nẻo tạp loạn, đó là hữu tình ấy là nẻo địa ngục, cũng là nẻo người. Thân tạp loạn, đó là hữu tình ấy có thân địa ngục, cũng có thân người, thì trở thành sai lầm lớn. Dựa vào ý Luận ấy, nếu lúc tiến vào Định Vô tướng-Diệt tận, thì Đại chủng của các căn cùng khởi với tâm và không lìa tâm; nhưng Định ấy thì lìa tâm mà trú, lìa tâm mà diệt. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Các pháp cùng khởi với tâm và không lìa tâm, pháp ấy cùng trú-cùng diệt với tâm và không lìa tâm chăng?

Đáp: Hữu tình ở cõi Dục-Sắc, không trú vào Định Vô tướng-Diệt tận, thì Đại chủng của các căn cùng khởi với tâm và không lìa tâm, cùng trú-cùng diệt với tâm và không lìa tâm. Nếu trú trong Định Vô tướng-Diệt tận thì lúc ấy sẽ lìa tâm.

Hỏi: Thế nào là lìa tâm?

Đáp: Lúc ấy lìa tâm mà khởi, lìa tâm mà trú, lìa tâm mà diệt, bởi vì tâm-tâm sở đoạn dứt sự nối tiếp nhau của nó.

Như nói: Không tu Nhân căn cho đến Ý căn. Thế nào là không

tu Nhãn căn? Cho đến nói rộng ra. Tu có bốn loại, đó là tu đạt được, tu luyện tập, tu đối trị, tu loại bỏ. Phân tích đầy đủ như chương Trí Uẩn. Nay dựa vào hai loại tu sau cùng mà soạn luận.

Hỏi: Các căn như Nhãn..., thế nào là không tu, lại thế nào là tu?

Đáp: Cho đến đạo đối trị các căn như Nhãn..., chưa sinh ra thì gọi là không tu căn; đây là dựa vào tu đối trị mà nói. Vả lại, cho đến tất cả phiền não duyên với Nhãn..., chưa đoạn-chưa biết thì gọi là không tu căn; đây là dựa vào tu loại bỏ mà nói. Nếu đạo đối trị các căn như Nhãn đã sinh ra thì gọi là tu căn; đây là dựa vào tu đối trị mà nói. Vả lại, tất cả phiền não duyên với Nhãn..., đã đoạn-đã biết thì gọi là tu căn; đây là dựa vào tu loại bỏ mà nói. Đây gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược ở nơi này.

Hỏi: Thế nào là không tu Nhãn căn cho đến Thân căn?

Đáp: Nếu đối với Nhãn căn chưa lìa tham, chưa lìa dục-tươi thấm-ưa thích-khao khát. Lại còn đạo vô gián có thể trừ hết tham cõi Sắc, lúc ấy đối với đạo này chưa tu-chưa an. Như không tu Nhãn căn, không tu Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân căn cũng như vậy.

Nếu đối với Nhãn căn chưa lìa tham, đó là đối với Nhãn chưa lìa ái; chưa lìa dục, đó là đối với ái dục chưa đoạn-chưa biết; chưa lìa tươi thấm, đó là đối với ái tươi thấm chưa đoạn-chưa biết; chưa lìa ưa thích, đó là đối với ái ưa thích chưa đoạn-chưa biết; chưa lìa khao khát, đó là đối với ái khao khát chưa đoạn-chưa biết. Lại còn đạo vô gián có thể trừ hết tham cõi Sắc, nghĩa là đạo vô gián có thể trừ hết ái của cõi Sắc; lúc ấy đối với đạo này chưa tu-chưa an, nghĩa là chưa tu tập và chưa an nghỉ. Tu đó là tu luyện tập, an đó là tu đạt được. Lại nữa, Khởi gọi là Tu, Diệt gọi là An. Lại nữa, đã Sinh ra gọi là Tu, đã Diệt đi gọi là An.

Nên biết trong này, nếu đối với Nhãn căn chưa lìa tham..., là dựa vào tu đối trị mà nói, hoặc là dựa vào tu loại bỏ mà nói. Lại còn đạo vô gián có thể trừ hết tham cõi Sắc..., là dựa vào tu loại bỏ mà nói, hoặc là dựa vào tu đối trị mà nói.

Có người nói: Nếu đối với Nhãn căn chưa lìa tham..., nghĩa là ái duyên với Nhãn căn chưa đoạn-chưa biết. Lại còn đạo vô gián có thể trừ hết tham cõi Sắc..., nghĩa là những phiền não khác duyên với Nhãn căn chưa đoạn-chưa biết.

Có người nói: Nếu đối với Nhãn căn chưa lìa tham..., nghĩa là chưa đoạn được ràng buộc. Lại còn đạo vô gián có thể trừ hết tham cõi Sắc..., nghĩa là chưa chứng được lìa ràng buộc.

Như chưa đoạn được ràng buộc-chưa chứng được lìa ràng buộc, như vậy chưa giảm bớt sai lầm-chưa tu tập công đức, chưa từ bỏ thấp

kém-chưa chứng được cao đẹp, chưa rời bỏ vô nghĩa-chưa đạt được có nghĩa, chưa loại trừ nỗi khổ nóng bức của có ái-chưa tiếp nhận niềm vui thư thái không có ái, nên biết cũng như vậy.

Có người nói: Nếu đối với Nhân căn chưa lìa tham..., nghĩa là đạo vô gián chưa khởi lên tác dụng. Lại còn đạo vô gián có thể trừ hết tham cõi Sắc..., nghĩa là đạo giải thoát chưa khởi lên tác dụng.

Có người nói: Nếu đối với Nhân căn chưa lìa tham..., nghĩa là chưa có thể lìa nhiễm của cõi Dục, cho đến lìa nhiễm của Tinh lự thứ ba. Lại còn đạo vô gián có thể trừ hết tham cõi Sắc..., nghĩa là chưa có thể lìa nhiễm của Tinh lự thứ tư.

Như không tu Nhân căn, không tu bốn căn còn lại cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là không tu Ý căn?

Đáp: Nếu đối với Ý căn, chưa lìa tham, chưa lìa dục-tươi thấm-ư thích-khao khát. Lại còn đạo vô gián có thể trừ hết tham cõi Vô sắc, lúc ấy đối với đạo này chưa tu-chưa an.

Nếu đối với Ý căn chưa lìa tham, đó là đối với Ý chưa lìa ái; những câu còn lại nói như trước. Lại còn đạo vô gián có thể trừ hết tham cõi Vô sắc, đó là đạo vô gián có thể trừ hết ái của cõi Vô sắc; chưa tu-chưa an nói như trước.

Nên biết trong này, nếu đối với Ý căn chưa lìa tham..., là dựa vào tu đối trị mà nói, hoặc là dựa vào tu loại bỏ mà nói. Lại còn đạo vô gián có thể trừ hết tham cõi Vô sắc..., là dựa vào tu loại bỏ mà nói, hoặc là dựa vào tu đối trị mà nói.

Tiếp theo có bốn người nói như trước nên biết. Thứ năm có người nói: Nếu đối với Ý căn chưa lìa tham..., nghĩa là chưa có thể lìa nhiễm của cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ. Lại còn đạo vô gián có thể trừ hết tham cõi Vô sắc..., nghĩa là chưa có thể lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Như nói: Tu Nhân căn cho đến Ý căn.

Hỏi: Thế nào là tu Nhân căn cho đến Thân căn?

Đáp: Nếu đối với Nhân căn đã lìa tham, đã lìa dục-tươi thấm-ư thích-khao khát. Lại còn đạo vô gián có thể trừ hết tham cõi Sắc, lúc ấy đối với đạo này đã tu-đã an. Như tu Nhân căn, tu Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân căn cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là tu Ý căn?

Đáp: Nếu đối với Ý căn đã lìa tham, đã lìa dục-tươi thấm-ư thích-khao khát. Lại còn đạo vô gián có thể trừ hết tham cõi Vô sắc, lúc ấy đối với đạo này đã tu-đã an. Những câu văn này nên nói rộng ra ngược

lại với phần không tu trước đây.

Những người không thành tựu căn Học mà đạt được căn Học, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Người ngu muội đối với lui sụt chấp rằng lui sụt không phải là có. Vì ngăn chặn ý chấp ấy để hiển bày lui sụt là có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Những người không thành tựu căn Học mà đạt được căn Học, lúc ấy tất cả tiến vào Chánh tánh ly sinh chăng?

Đáp: Nếu tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì lúc ấy tất cả không thành tựu căn Học mà đạt được căn Học. Có lúc không thành tựu căn Học mà đạt được căn Học, lúc ấy không phải là tiến vào Chánh tánh ly sinh, đó là lúc lui sụt quả A-la-hán, các căn Học ấy trước đây rời bỏ bây giờ đạt được.

Hỏi: Những người không thành tựu căn Học mà đạt được căn Học, lúc ấy tất cả là Đẳng vô gián của Thế đệ nhất pháp chăng?

Đáp: Nếu là Đẳng vô gián của Thế đệ nhất pháp, thì lúc ấy tất cả không thành tựu căn Học mà đạt được căn Học. Có lúc không thành tựu căn Học mà đạt được căn Học, lúc ấy không phải là Đẳng vô gián của Thế đệ nhất pháp, đó là lúc lui sụt quả A-la-hán, các căn Học ấy trước đây rời bỏ bây giờ đạt được.

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Trước tuy biểu hiện rõ ràng về tự Thể tiến vào Chánh tánh ly sinh, mà chưa biểu hiện rõ ràng về Đẳng vô gián duyên tiến vào Chánh tánh ly sinh, nay muốn hiển bày điều ấy cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Những người rời bỏ căn Vô lậu mà đạt được căn Vô lậu, lúc ấy tất cả đều từ quả đến quả chăng?

Đáp: Nếu từ quả đến quả, thì lúc ấy tất cả đều rời bỏ căn Vô lậu mà đạt được căn Vô lậu, đó là lúc người Dự lưu chứng quả Nhất lai, rời bỏ các căn Vô lậu thuộc về quả Dự lưu và đạo của quả thù thắng, đạt được các căn Vô lậu thuộc về quả Nhất lai. Từ quả đến quả, là từ quả Dự lưu đến quả Nhất lai.

Lúc người Nhất lai chứng quả Bất hoàn, lúc người Bất hoàn chứng quả A-la-hán, nên biết cũng như vậy. Như lúc chứng quả, lúc lui sụt quả cũng như vậy.

Có lúc rời bỏ căn Vô lậu mà đạt được căn Vô lậu, lúc ấy không phải là từ quả đến quả, đó là lúc Đạo loại trí Hiện quán biên đầy khởi,

hoặc là lúc A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động.

Hỏi: Lúc Đạo loại trí dấy khởi thì có thể như vậy, lúc A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động thì làm sao có thể như vậy?

Đáp: Văn này chỉ cần nói lúc Đạo loại trí Hiện quán biên dấy khởi, không cần nói đến loại khác, mà nói đến loại khác là muốn hiển bày trong này chỉ nói từ quả dị thực đến quả dị thực. Lúc A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, chủng loại về tánh tuy khác biệt mà chủng loại về quả không khác nhau, cho nên không gọi là từ quả đến quả.

Hỏi: Những người rời bỏ căn Vô lậu-đạt được căn Vô lậu, lúc ấy tất cả căn Vô lậu diệt đi-căn Vô lậu khởi lên chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc rời bỏ căn Vô lậu-đạt được căn Vô lậu, mà lúc ấy không phải là căn Vô lậu diệt đi-căn Vô lậu khởi lên, đó là lúc lui sụt quả A-la-hán, Bất hoàn, Nhất lai, và lúc dùng đạo thế tục đạt được quả Nhất lai-Bất hoàn, bởi vì lúc bấy giờ căn Vô lậu không hiện rõ trước mắt.

2. Có lúc căn Vô lậu diệt đi-căn Vô lậu khởi lên, mà lúc ấy không phải là rời bỏ căn Vô lậu-đạt được căn Vô lậu, đó là đã đạt được căn Vô lậu hiện rõ trước mắt.

Diệt đi và khởi lên, tức là các căn Vô lậu của tất cả Quả-Hướng đã đạt được trước đây, nối tiếp nhau khởi lên và diệt đi. Lúc ấy không phải là đạt được, bởi vì khởi lên Đạo đã từng đạt được hiện rõ ở trước mắt; cũng không phải là rời bỏ, bởi vì Thánh đạo chỉ rời bỏ trong ba lúc, mà lúc ấy không phải là lúc này:

- a. Lúc lui sụt.
- b. Lúc đạt được quả.
- c. Lúc luyện căn.

3. Có lúc rời bỏ căn Vô lậu-đạt được căn Vô lậu, mà lúc ấy cũng là căn Vô lậu diệt đi-căn Vô lậu khởi lên, đó là lúc Đạo loại trí Hiện quán biên dấy khởi, và lúc dùng đạo vô lậu đạt được quả Nhất lai-Bất hoàn, lúc đạt được quả A-la-hán, lúc A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động.

Lúc Đạo loại trí Hiện quán biên dấy khởi, rời bỏ căn Vô lậu, đó là do Kiến đạo thâm nhiếp; đạt được căn Vô lậu, đó là do Tu đạo thâm nhiếp; căn Vô lậu diệt đi, đó là phẩm câu sinh của Đạo loại nhãn; căn Vô lậu khởi lên, đó là phẩm câu sinh của Đạo loại trí.

Lúc dùng đạo vô lậu đạt được quả Nhất lai, rời bỏ căn Vô lậu, đó là thuộc về quả Dự lưu và đạo của quả thù thắng; đạt được căn Vô

lậu, đó là thuộc về quả Nhất lai; căn Vô lậu diệt đi, đó là thuộc về đạo vô gián thứ sáu; căn Vô lậu khởi lên, đó là thuộc về đạo giải thoát thứ sáu. Dùng đạo vô lậu đạt được quả Bất hoàn, tùy theo thích hợp cũng như vậy.

Lúc đạt được quả A-la-hán, rời bỏ căn Vô lậu, đó là thuộc về quả Bất hoàn và đạo của quả thù thắng; đạt được căn Vô lậu, đó là thuộc về quả A-la-hán; căn Vô lậu diệt đi, đó là phẩm câu sinh của Định Kim cang dụ; căn Vô lậu khởi lên, đó là phẩm câu sinh của Tận trí lúc đầu.

Lúc A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, rời bỏ căn Vô lậu, đó là thuộc về đạo của Thời giải thoát; đạt được căn Vô lậu, đó là thuộc về đạo của Bất thời giải thoát; căn Vô lậu diệt đi, đó là thuộc về đạo vô gián thứ chín; căn Vô lậu khởi lên, đó là thuộc về đạo giải thoát thứ chín. Những phần vị luyện căn còn lại, lược bớt cho nên không nói đến.

4. Có lúc không phải là rời bỏ căn Vô lậu-đạt được căn Vô lậu, mà lúc ấy cũng không phải là căn Vô lậu diệt đi-căn Vô lậu khởi lên, đó là trừ ra những tướng trước.

Trong này, thanh Tướng là dựa vào tên gọi mà chuyển đổi, tức là những pháp mà ba câu trước không thấu nhiếp, làm thành câu thứ tư. Điều này lại là thế nào? Đó là phần vị các dị sinh, cho đến phần vị Nhẫn tăng thượng, đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ, không phải là đạt được, không phải là diệt đi, không phải là khởi lên. Lúc trú trong Thế đệ nhất pháp, đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, không phải là diệt đi mà khởi lên.

Nếu các Thánh giả lúc trú trong Khổ pháp trí nhẫn, cho đến lúc Đạo pháp trí, đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, cũng diệt đi-cũng khởi lên. Lúc trú trong Đạo loại trí nhẫn, đối với căn Vô lậu cũng rời bỏ-cũng đạt được, cũng diệt đi-cũng khởi lên.

Lúc từ quả Dự lưu chứng quả Nhất lai, người dùng đạo thế tục, nếu đạo vô lậu làm gia hạnh, thì lúc trú trong đạo gia hạnh, đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, diệt đi mà không phải là khởi lên. Nếu đạo thế tục làm gia hạnh, thì lúc trú trong đạo gia hạnh-năm đạo vô gián-năm đạo giải thoát, đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, không phải là diệt đi mà khởi lên. Lúc trú trong đạo vô gián thứ sáu, đối với căn Vô lậu cũng rời bỏ-cũng đạt được, không phải là diệt đi-không phải là khởi lên. Người dùng đạo vô lậu, nếu đạo thế tục làm gia hạnh, thì lúc trú trong đạo gia hạnh, đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, không phải là diệt đi mà khởi lên.

Nếu đạo vô lậu làm gia hạnh, thì lúc trú trong đạo gia hạnh-năm đạo vô gián-năm đạo giải thoát, không phải là rời bỏ mà đạt được, cũng diệt đi-cũng khởi lên. Lúc trú trong đạo vô gián thứ sáu, đối với căn Vô lậu cũng rời bỏ-cũng đạt được, cũng diệt đi-cũng khởi lên.

Từ quả Nhất lai chứng quả Bất hoàn, tùy theo thích hợp cũng như vậy.

Từ quả Bất hoàn chứng quả A-la-hán, lúc lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, người dùng đạo thế tục, nếu đạo vô lậu làm gia hạnh, thì lúc trú trong đạo gia hạnh, đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, không phải là diệt đi mà khởi lên. Nếu đạo thế tục làm gia hạnh, thì lúc trú trong đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-chín đạo giải thoát, đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, không phải là diệt đi-không phải là khởi lên. Người dùng đạo vô lậu, nếu đạo thế tục làm gia hạnh, thì lúc trú trong đạo gia hạnh, đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, không phải là diệt đi mà khởi lên. Nếu đạo vô lậu làm gia hạnh, thì lúc trú trong đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-chín đạo giải thoát, đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, cũng diệt đi-cũng khởi lên.

Như lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, cho đến lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

Lúc lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu đạo thế tục làm gia hạnh, thì lúc trú trong đạo gia hạnh, đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, không phải là diệt đi mà khởi lên. Nếu đạo vô lậu làm gia hạnh, thì lúc trú trong đạo gia hạnh-tám đạo vô gián-tám đạo giải thoát, đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, cũng diệt đi-cũng khởi lên. Lúc trú trong đạo vô gián thứ chín, đối với căn Vô lậu cũng rời bỏ-cũng đạt được, cũng diệt đi-cũng khởi lên.

Lúc Tĩn thắng giải luyện căn làm Kiến chí, nếu đạo thế tục làm gia hạnh, thì lúc trú trong đạo gia hạnh, đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, không phải là diệt đi mà khởi lên. Nếu đạo vô lậu làm gia hạnh, thì lúc trú trong đạo gia hạnh, đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, cũng diệt đi-cũng khởi lên. Lúc trú trong đạo vô gián, đối với căn Vô lậu cũng rời bỏ-cũng đạt được, cũng diệt đi-cũng khởi lên.

Lúc A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nói như lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Tu xen lẫn về Tĩnh lự, trong sát-na thứ nhất thì đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, diệt đi mà không phải là khởi lên;

trong sát-na thứ hai thì đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, không phải là diệt đi mà khởi lên; trong sát-na thứ ba thì nói như sát-na thứ nhất.

Nếu lúc dẫn dắt phát khởi năm thông-năm đạo vô gián-ba đạo giải thoát; hoặc là lúc khởi lên Vô lượng, Giải thoát thế tục, Thắng xứ, Biến xứ, Bất tịnh quán, Trì tức niệm, Niệm trú thế tục, Vô ngại giải thế tục, Nguyên trí Vô tranh, Định biên tế, Không Không, Vô nguyện Vô nguyện, Vô tướng Vô tướng, tiến vào Định Diệt tận-Tướng-Vi tế..., thì đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, không phải là diệt đi-không phải là khởi lên.

Nếu lúc khởi lên Tha tâm thông vô lậu; hoặc là lúc khởi lên Niệm trú vô lậu, Giải thoát vô lậu, Vô ngại giải vô lậu..., thì đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, cũng diệt đi-cũng khởi lên.

Nếu lúc khởi lên tâm Vi vi; hoặc là lúc khởi lên Văn-Tư tuệ..., thì đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ-không phải là đạt được, không phải là diệt đi-không phải là khởi lên.

Ở trong những phần vị sai biệt như vậy, tùy theo sự thích hợp làm thành câu thứ tư, vì vậy cho nên nói tóm lược là trừ ra những tướng trước.

Những Vị tri đương tri căn..., cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì làm cho người nghi ngờ có được quyết định.

Hỏi: Như trong luận Phẩm Loại Túc nói: “Thế nào là Vị tri đương tri căn?”

Đáp: Chưa hẳn đã Kiến đế, chưa hẳn đã Hiện quán, là các Tuệ về Học thuộc Tuệ căn. Nếu các căn Tùy tín-Tùy pháp hành, có thể Hiện quán đối với bốn Thánh đế chưa Hiện quán, thì gọi là Vị tri đương tri căn.” Văn ấy chỉ nói đến hiện tại hòa hợp, có tác dụng có thể gánh vác, Vị tri đương tri căn, không phải là quá khứ-vị lai. Đừng có sinh lòng nghi ngờ, chỉ có hiện tại hòa hợp, có tác dụng có thể gánh vác, là Vị tri đương tri căn, chứ không phải là quá khứ-vị lai. Bởi vì làm cho mỗi nghi ấy được quyết định, hiển bày ở ba đời đều là căn này, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Những Vị tri đương tri căn, lúc ấy tất cả có thể Hiện quán đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Vị tri đương tri căn, mà lúc ấy không phải là có thể Hiện quán đối với bốn Thánh đế chưa Hiện quán, đó là Vị tri đương tri căn,

ở quá khứ hoặc là vị lai. Bởi vì lúc ấy có tướng của Vị tri đương tri căn, cho nên cũng gọi là Vị tri đương tri căn. Nhưng không phải là có thể Hiện quán đối với bốn Thánh đế chưa Hiện quán, bởi vì tác dụng của quá khứ đã ngừng, tác dụng của vị lai chưa khởi lên.

2. Có lúc có thể Hiện quán đối với bốn Thánh đế chưa Hiện quán, mà lúc ấy không phải là Vị tri đương tri căn, đó là các pháp không phải là căn có thể Hiện quán đối với bốn Thánh đế chưa Hiện quán. Điều này lại là thế nào? Đó là Tướng-Tư-Xúc-Tác ý, Dục-Thắng giải-Tâm-Quý, không có Tham-không có Sân-Khinh an, Xả-không phóng dật-không hại, Tâm-Tứ-Sắc tùy tâm chuyển, tâm bất tương ưng hành. Những pháp như vậy đối với bốn Thánh đế chưa Hiện quán, tuy có thể Hiện quán mà không phải là Vị tri đương tri căn, bởi vì gồm có chín căn làm thành căn này.

3. Có lúc Vị tri đương tri căn, mà lúc ấy cũng có thể Hiện quán đối với bốn Thánh đế chưa Hiện quán, đó là Vị tri đương tri căn có thể Hiện quán đối với bốn Thánh đế chưa Hiện quán, tức là Vị tri đương tri căn hiện tại hòa hợp có tác dụng có thể gánh vác.

4. Có lúc không phải là Vị tri đương tri căn, mà lúc ấy cũng không phải là có thể Hiện quán đối với bốn Thánh đế chưa Hiện quán, đó là trừ ra những tướng trước. Tức là những pháp mà ba câu trước không thâm nhiếp, làm thành câu thứ tư. Điều này lại là thế nào? Đó là trừ ra tự tánh của Vị tri đương tri căn thuộc ba đời, và pháp không phải là căn cùng có tương ứng với căn này thuộc hiện tại, còn lại các pháp không phải là căn cùng có tương ứng với căn này thuộc quá khứ-vị lai, và phẩm câu sinh của Dĩ tri căn-Cụ tri căn, tất cả tâm-tâm sở pháp hữu lậu, sắc-tâm bất tương ứng hành khác và vô vi, đều là câu thứ tư, cho nên nói là trừ ra những tướng trước.

Như Vị tri đương tri căn, Dĩ tri căn-Cụ tri căn tùy theo sự thích hợp, nói rộng ra cũng như vậy.

Tận trí nên nói là Tận trí cho đến Đạo trí chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao trong này phân biệt về ba Trí?

Đáp: Bởi vì là ý của Luận Sư trong phần luận này muốn như vậy, cho đến nói rộng ra.

Trả lời: Tận trí nên nói là Tận trí, đó là tự biết rõ ràng mình đã biết khắp về Khổ, mình đã vĩnh viễn đoạn về Tập, mình đã chứng về Diệt, mình đã tu về Đạo; hoặc là Pháp trí, đó là tự biết rõ ràng mình đã biết khắp về Khổ hệ thuộc cõi Dục, mình đã vĩnh viễn đoạn về Tập hệ

thuộc cõi Dục, mình đã chứng về Diệt các hành hệ thuộc cõi Dục, mình đã tu về Đạo đoạn các hành hệ thuộc cõi Dục; hoặc là Loại trí, đó là tự biết rõ ràng mình đã biết khắp về Khổ hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, mình đã vĩnh viễn đoạn về Tập hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, mình đã chứng về Diệt các hành hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, mình đã tu về Đạo đoạn các hành hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc; hoặc là Khổ trí, đó là tự biết rõ ràng mình đã biết khắp về Khổ hệ thuộc ba cõi; hoặc là Tập trí, đó là biết rõ ràng mình đã vĩnh viễn đoạn về Tập hệ thuộc ba cõi; hoặc là Diệt trí, đó là tự biết rõ ràng mình đã chứng về Diệt các hành hệ thuộc ba cõi; hoặc là Đạo trí, đó là tự biết rõ ràng mình đã tu về Đạo đoạn các hành hệ thuộc ba cõi.

Hỏi: Vì sao Tận trí không phải là Tha tâm trí?

Đáp: Bởi vì Tận trí không phải là tự tánh thuộc về Kiến, Tha tâm trí là tự tánh thuộc về Kiến.

Hỏi: Vì sao không phải là Thế tục trí?

Đáp: Bởi vì Tận trí là vô lậu, Thế tục trí là hữu lậu.

Đã hiển bày về tự tánh, nên hiển bày về địa.

Tận trí, hoặc là có Tâm-có Tứ, đó là dựa vào Vị chí-Tĩnh lự thứ nhất; hoặc là không có Tâm-chỉ có Tứ, đó là dựa vào Tĩnh lự trung gian; hoặc là không có Tâm-không có Tứ, đó là dựa vào ba Tĩnh lự trên và ba Vô sắc dưới.

Đã hiển bày về địa, nên hiển bày về tương ứng.

Tận trí, hoặc là tương ứng với Lạc căn, đó là dựa vào Tĩnh lự thứ ba; hoặc là tương ứng với Hỷ căn, đó là dựa vào hai Tĩnh lự đầu; hoặc là tương ứng với Xả căn, đó là dựa vào Vị chí-Tĩnh lự trung gian-Tĩnh lự thứ tư và ba Vô sắc dưới.

Đã hiển bày về tương ứng, nên hiển bày về hành tướng.

Tận trí, hoặc là tương ứng với Vô nguyện, đó là mười hành tướng; hoặc là tương ứng với Vô tướng, đó là bốn hành tướng.

Hỏi: Vì sao Tận trí không phải là tương ứng với Không?

Đáp: Bởi vì Không là thắng nghĩa trải qua thắng nghĩa, Tận trí là thắng nghĩa trải qua thế tục. Như nói: Biết rõ ràng đời sống của mình đã hết. Bởi vì trải qua sự hiểu biết của mình, cho nên không phải là tương ứng với Không.

Đã hiển bày về hành tướng, nên hiển bày về sở duyên.

Tận trí, hoặc là duyên với hệ thuộc cõi Dục, hoặc là duyên với hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc. Ở đây nói là duyên với Khổ-Tập, hoặc là duyên với không hệ thuộc; ở đây nói là duyên với Diệt-Đạo.

Như Tận trí, Vô sinh trí cũng như vậy. Nhưng có sai biệt, đó là Vô sinh trí nên nói là Vô sinh trí, đó là tự biết rõ ràng mình không trở lại biết khắp về Khổ, không trở lại vĩnh viễn đoạn về Tập, không trở lại chứng về Diệt, không trở lại tu về Đạo.

Chánh kiến Vô học nên nói là Chánh kiến Vô học, đó là dùng bốn hành tướng để biết về năm Thủ uẩn, dùng bốn hành tướng để biết về nhân của năm Thủ uẩn, dùng bốn hành tướng để biết về diệt năm Thủ uẩn, dùng bốn hành tướng để biết về đạo đoạn năm Thủ uẩn; hoặc là Pháp trí, đó là biết về bốn Đế của cõi Dục; hoặc là Loại trí, đó là biết về bốn Đế của cõi Sắc-Vô sắc; hoặc là Tha tâm trí, đó là biết về tâm-tâm sở pháp vô lậu khác; hoặc là Khổ-Tập-Diệt-Đạo trí, đó là biết riêng biệt về bốn Đế của ba cõi.

Hỏi: Vì sao Chánh kiến Vô học không phải là Thế tục trí?

Đáp: Bởi vì Chánh kiến Vô học là vô lậu, Thế tục trí là hữu lậu.

Đã hiển bày về tự tánh, bốn phần như địa... nói như trước. Sai biệt là Chánh kiến Vô học cũng tương ứng với Không, cũng làm hành tướng Không-Vô ngã mà chuyển.

Các Tận trí lúc đầu, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Trước đây trình bày về ba Trí, chưa phân tích về Đẳng vô gián duyên và Sở duyên sai biệt, nay muốn phân tích về điều ấy, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Các Tận trí lúc đầu, lúc ấy tất cả là Đẳng vô gián thuộc đạo vô gián chăng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì Tận trí lúc đầu chắc chắn khởi lên từ Đẳng vô gián thuộc Định Kim cang dụ.

Hỏi: Giả sử Đẳng vô gián thuộc đạo vô gián, thì lúc ấy tất cả là Tận trí chăng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì Đẳng vô gián thuộc Định Kim cang dụ chắc chắn khởi lên Tận trí.

Hỏi: Các Vô sinh trí lúc đầu, lúc ấy tất cả là Đẳng vô gián thuộc Tận trí chăng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì Vô sinh trí lúc đầu chắc chắn khởi lên từ Đẳng vô gián thuộc Tận trí.

Hỏi: Giả sử Đẳng vô gián thuộc Tận trí, thì lúc ấy tất cả là Vô sinh trí chăng?

Đáp: Hoặc là Tận trí, đó là Thời giải thoát; hoặc là Vô sinh trí, đó là Bất thời giải thoát; hoặc là Chánh kiến Vô học, đó là Thời giải

thoát.

Hỏi: Các duyên ấy khởi lên đạo vô gián, thì duyên ấy khởi lên Tận trí lúc đầu chẳng?

Đáp: Nếu duyên ấy sinh ra khởi lên đạo vô gián, thì duyên ấy khởi lên Tận trí lúc đầu. Nếu không phải là duyên ấy sinh ra khởi lên đạo vô gián, thì không phải là duyên ấy khởi lên Tận trí lúc đầu, nghĩa là Định Kim cang dụ tương ứng với sáu Trí, tức là Diệt-Đạo pháp trí và bốn Loại trí; Tận trí lúc đầu do hai Trí thâm nhiếp, đó là Khổ-Tập loại trí. Nếu Định Kim cang dụ tương ứng với Khổ-Tập loại trí, thì chung cảnh sở duyên với Tận trí lúc đầu, bởi vì cùng duyên với bốn Uẩn của Phi tướng phi phi tướng xứ mà sinh ra; bốn Uẩn ấy gọi là Sinh, bởi vì thuộc về sinh tử. Nếu Định Kim cang dụ tương ứng với Diệt-Đạo Pháp-Loại trí, thì khác cảnh sở duyên với Tận trí lúc đầu, bởi vì pháp kia duyên với Diệt-Đạo của ba cõi, pháp này duyên với Khổ-Tập của cõi Hữu Đảnh.

Hỏi: Các duyên ấy khởi lên Tận trí, thì duyên ấy khởi lên Vô sinh trí chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử duyên ấy khởi lên Vô sinh trí, thì duyên ấy khởi lên Tận trí chẳng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì hai Trí này cùng lấy mười bốn hành tướng để duyên với bốn Đế.

